TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 23 – 11 -2018
"V/v Tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông Dương Thế Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 326/2018/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp " Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2018/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Ngọc I, sinh năm: 1986

Địa chỉ: thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* anh Lê Nho T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc I trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước ngày 05/10/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến từ đầu năm 2016 chị nhận thấy tình cảm của cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh T thường uống rượu, chơi bài bạc, anh T không quan tâm, lo lắng chăm sóc cho vợ con, chị cảm nhận tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt, rạn nứt, chị không còn tình cảm với anh T, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị và anh T đã sống ly thân liên

tục từ khoảng thời gian cuối năm 2016 cho đến nay, thời gian sống ly thân gần 02 năm, trong thời gian sống ly thân thì anh T có đánh đập chị, trong thời gian nàythì kinh tế độc lập, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh T, chị không muốn quay về sống chung với anh T, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị được ly hôn với Trọng.

Về con chung: chị và anh T có 02 người con chung, họ tên Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Cẩm M1 sinh ngày 23/12/2007. Sau khi ly hôn thì chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, tuy nhiên tùy theo nguyện vọng của các cháu muốn ở với ai thì chị cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: không có.

** Tại biên bản lời khai và tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lê Nho T trình bày:* Anh đồng ý với lời trình bày của chị I về thời gian chung sống và kết hôn vào ngày 05/10/2005. Thời gian đầu chung sống bình thường, hạnh phúc, không sảy ra mâu thuẫn cãi vã gì, anh thừa nhận anh có uống rượu nhưng thỉnh thoảng mới uống rượu với bạn bè, anh cũng thừa nhận anh có chơi đánh bài nhưng thỉnh thoảng mới chơi đánh bài với bạn bè cho vui chứ không sát phạt lẫn nhau. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2016 đầu năm 2017 thì chị I tự ý bỏ nhà đi anh không rõ nguyên nhân. Anh có đi tìm chị I về nhưng chị I không quay về, anh với chị I sống ly thân liên tục cuối năm 2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập, không quan tâm gì đến nhau. Anh cũng thừa nhận trong thời gian sống ly thân thì anh có đánh tát tai chị I lý do anh đi tìm chị I yêu cầu chị I quay về chung sống, chị I không đồng ý nên anh có đánh tát tai chị I. Nay chị I yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, với lý do anh muốn chị I quay về đoàn tụ gia đình cùng anh nuôi dạy các con.

Về con chung: anh và chị I có 02 người con chung, họ tên Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Cẩm M1 sinh ngày 23/12/2007. Sau khi ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu, tuy nhiên các cháu muốn ở với ai thì anh cũng đồng ý. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: không có.

- Tại phiên tòa nguyên đơn chị I: Không đồng ý quay về đoàn tụ với anh T, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

-Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và

nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị I được ly hôn với anh T. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 07/9/2006 cho chị I trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Thị Cẩm M1 sinh ngày 23/12/2007 cho anh Lê Nho T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Nguyễn Ngọc I và anh Lê Nho T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước ngày 05/10/2005. Giữa chị I và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện nay, chị I và anh T đều đang cư trú tại thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa chị I và anh T là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị I:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị I yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Chị I và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/10/2005. Từ năm 2016 thì chị I nhận thấy anh T thường uống rượu, chơi bài bạc, anh T không quan tâm, lo lắng chăm sóc cho vợ con, chị cảm nhận tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt, rạn nứt, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị và anh T đã sống ly thân liên tục từ cuối năm 2016 đầu năm 2017 cho đến nay thời gian là gần 02 năm, trong thời gian sống ly thân thì anh T có đánh đập chị, trong thời gian sống ly thân thì kinh tế độc lập, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay chị I không còn tình cảm với anh T, chị không muốn quay về sống chung với anh T, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Trọng. Sự việc này cũng được bị đơn anh T thừa nhận là anh có uống rượu, anh cũng thừa nhận anh có chơi đánh bài nhưng thỉnh thoảng mới chơi đánh bài với bạn bè cho vui chứ không sát phạt lẫn nhau. Đến cuối năm 2016 đầu năm 2017 thì chị I tự ý bỏ nhà đi. Anh có đi tìm chị I về nhưng chị I không quay về, anh với chị I sống ly thân liên tục cuối năm 2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập, không quan

tâm gì đến nhau. Anh T cũng thừa nhận trong thời gian sống ly thân thì anh có đánh tát tai chị I, bởi vì anh đi tìm chị I, anh yêu cầu quay về chung sống, chị I không đồng ý nên anh có đánh tát tai chị I. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T và chị I có xảy ra mâu thuẫn, giữa anh chị có xảy ra xô xát, anh T có đánh chị I, sự việc cũng đã được công an xã Nghĩa Trung lập biên bản. Mặt khác, chị I và anh T đã sống ly thân một khoảng thời gian dài (từ cuối năm 2016 cho đến nay) mà không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị I và anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của người vợ người chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị I được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị I và anh T có 02 người con chung, họ tên Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Cẩm M1 sinh ngày 23/12/2007. Sau khi ly hôn thì chị I và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, tuy nhiên anh chị thống nhất tôn trọng ý kiến các cháu muốn ở với ai thì anh chị cũng đồng ý. Căn cứ biên bản lời khai cháu Lê Thị Cẩm M thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị I. Đối với cháu Lê Thị Cẩm M1 hiện đang ở với anh T, Tòa án đã yêu cầu anh T đưa cháu Mi đến Tòa án để ghi lời khai của cháu về nguyện vọng của cháu được ở với ai khi cha mẹ cháu là anh T và chị I ly hôn, tuy nhiên anh T từ chối không đưa cháu Mi đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án, vì vậy Tòa án không tiến hành ghi lời khai của cháu Mi được. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi vợ chồng ly hôn thì việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung. Vì vậy, cần giao cháu Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 07/9/2006 cho chị Nguyễn Ngọc I trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Lê Thị Cẩm M1 sinh ngày 23/12/2007 cho anh Lê Nho T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[2.5]Về nợ: không có.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc I. Chị Nguyễn Ngọc I được ly hôn với anh Lê Nho T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Cẩm M, sinh ngày 07/9/2006 cho chị Nguyễn Ngọc I trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Lê Thị Cẩm M1 sinh ngày 23/12/2007 cho anh Lê Nho T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không xem xét.

4.Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

5.Về nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc I phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo Biên lai số 0022235 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (Thị trấn);
- Đương sự; - Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà